TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 22/2018/DS - GĐT
Ngày 12 tháng 4 năm 2018
Về vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng-Thẩm phán cao cấp;

Các thành viên: Ông Ngô Tiến Hùng-Thẩm phán cao cấp;

Ông Vũ Mạnh Hùng-Thẩm phán cao cấp;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bảo Thoa – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hữu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa giám đốc thẩm để xét xử vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Diệm Quang T, sinh năm 1964; trú tại: Tổ 15, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Công ty Cổ phần; địa chỉ: Số 423A đường P, tổ 25, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

Người đại diện theo pháp luật là bà Cù Thủy O, sinh năm 1963; chức vụ: Giám đốc công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đào Đức H, sinh năm 1981; trú tại: Số 423A đường P, tổ 25, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2013 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Diệm Quang T trình bày:

Năm 2011, ông làm vườn ươm cây giống tại tổ 15, phường C, thành phố T với 02 loại chè là Phúc Vân Tiên và giống chè LDP1. Ông đã bán cây chè cho Công ty Cổ phần cây giống Thái Nguyên (sau đây viết tắt là Công ty) số lượng là 653.520 cây. Trong đó giống chè Phúc Vân Tiên số lượng 298.320 cây với giá 570đồng/cây, còn giống chè LDP1 số lượng 355.200 cây, giá 560đồng/cây (giao cây tại vườn nhà ông). Thành tiền cả hai loại là 368.954.400 đồng. Ông đã giao đủ cây giống và nhận được 300.619.200 đồng còn lại là 68.335.200 đồng Công ty chưa trả cho ông. Theo ông được biết số tiền Công ty còn nợ ông là do ông Đào Đức H là Cán bộ của Công ty đã ký nhận tiền với Công ty và chiếm đoạt số tiền này. Việc mua bán giữa ông với Công ty không có lập văn bản mà thỏa thuận miệng. Nay, ông khởi kiện đề nghị Công ty trả cho ông 68.335.200 đồng và 7.000.000 đồng tiền thuê Luật sư và tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo lãi suất của Ngân hàng, tiền đi lại trong 04 năm là 48.000.000 đồng.

Bị đơn là Công ty Cổ phần, người đại diện theo pháp luật là bà Cù Thủy O trình bày:

Năm 2011, Công ty có mua cây chè giống của hộ ông T với giá như ông T trình bày, nhưng địa điểm giao nhận tại các hộ nông dân trồng chè và trung tâm cụm xã, thị trấn trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên. Hoặc giá giảm 100đồng/cây nếu giao tại các nhà vườn thì Công ty chịu chi phí vận chuyển bốc dỡ. Việc thỏa thuận là thỏa thuận miệng. Sau đó ông T và ông H thực hiện. Do giao cây tại vườn nên công ty đã trả đủ 300.619.200 đồng, còn 68.335.200 đồng là tiền chi phí vận chuyển, bốc xếp Công ty đã giao cho ông H là người trực tiếp thuê xe, bốc xếp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Đức H trình bày: Lý do ông nhận 68.335.200 đồng là do trước khi thực hiện công việc ông đã thỏa thuận với ông T như trình bày của phía bị đơn. Do ông T giao cây tại vườn do đó số tiền nêu trên là tiền chi phí vận chuyển, bốc xếp cây. Do đó, ông không nhất trí với yêu cầu của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2015/DSST ngày 23/9/2015, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Diệm Quang T đối với Công ty Cổ phần. Buộc Công ty Cổ phần phải trả cho ông Diệm Quang T số tiền là 68.335.200 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho

ông T số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí và các quyền, nghĩa vụ khác cho các đương sự.

Ngày 07/10/2015, bà Cù Thủy O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án nêu trên.

Ngày 07/10/2015, ông Diệm Quang T có đơn kháng cáo buộc bị đơn phải trả thêm cho ông 7.000.000 đồng tiền thuê luật sư và chi phí đi lại và lãi suất do chậm trả tiền là 48.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2016/DSPT ngày 27/5/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Diệm Quang T đối với Công ty Cổ phần về việc yêu cầu Công ty Cổ phần phải trả cho ông Diệm Quang T số tiền là 68.335.200 đồng, tiền thuê luật sư 7.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng, tiền chi phí đi lại trong 4 năm 48.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2016, ông Diệm Quang T có đơn đề nghị theo thủ tục giám đốc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 45/KNGĐT-VC1-DS ngày 23/11/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2016/DS-PT ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2015/DS-ST ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quyết định kháng nghị và đề nghị hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2016/DS-PT ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2015/DS-ST ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án ban đầu ông T cho rằng chữ ký tại "Bản kê thu mua hàng hóa mua vào không có hóa đơn ngày 14/12/2011", trong đó ghi

giá chè loại LVT 560đ/cây; chè LDP1 570đ/cây là do ông T ký, còn bản kê thu mua hàng hóa mua vào không có hóa đơn ngày 14/12/2011, trong đó ghi giá chè cả hai loại 460đ/cây không phải do ông T ký. Sau đó, ông T phủ nhận lời khai này và xác định cả hai chữ ký trong hai bản kê trên đều không phải do ông ký. Tại Kết luận giám định số 153/C54-P5 ngày 20/7/2015 của Viện khoa học hình sự xác định: Chữ ký "Tuyến" tại 02 "Bản kê thu mua hàng hóa mua vào không có hóa đơn ngày 14/12/2011" do cùng một người ký, ông T đã khiếu nại việc này và đề nghị giám định lại. Ngày 17/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định số 344/QĐ-VC1-V2 trưng cầu giám định chữ ký trong 02 "Bản kê thu mua hàng hóa mua vào không có hóa đơn ngày 14/12/2011". Theo kết luận giám định số 374/C54-P5 ngày 20/9/2017 của Viện khoa học hình sự thì 6/8 chữ ký do ông T cung cấp không trùng với chữ ký trong 02 "Bản kê thu mua hàng hóa mua vào và không có hóa đơn ngày 14/12/2011".

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng từ thanh toán ghi thanh toán cho ông T, nhưng Công ty Cổ phần lại giao 68.335.200 đồng cho ông H, khi không có sự đồng ý của ông T để buộc Công ty Cổ phần phải thanh toán cho ông T số tiền trên, cũng như Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào lời khai của Công ty Cổ phần cũng như của người làm chứng và Kết luận giám định số 153/C54-P5 ngày 20/7/2015, để bác yêu cầu của ông T trong hai văn bản trên là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[2] Về việc thanh toán tiền khoản 68.335.200 đồng thì toàn bộ các chứng từ thanh toán đều thể hiện Công ty Cổ phần thanh toán số tiền này cho ông T, nhưng người nhận là ông H. Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện việc ông T ủy quyền cho ông H nhận tiền của Công ty Cổ phần. Nên Công ty tự ý chuyển giao tiền cho ông H là không đúng.

Công ty Cổ phần và ông H đều cho rằng số tiền 68.335.200 đồng là tiền ông H chi phí cho việc vận chuyển, nhưng trong hồ sơ thể hiện có 02 khoản chi không phải chi cho mục đích vận chuyển ví dụ: Chi cho Phòng Nông nghiệp Võ Nhai 6.535.200 đồng; chi cán bộ trực tiếp thực hiện 2.983.200 đồng. Mặt khác, việc kê khai xe đi vận chuyển cây chè có mâu thuẫn cụ thể: Giấy biên nhận ngày 06/12/2011, ghi ông Đào Đức Chính là chủ xe tải BKS 20L-3860, nhận vận chuyển 653.520 cây giá 75đ/cây=49.014.000 đồng, tiền bốc xếp 653.520 cây giá 15đ/cây=9.802.000 đồng và tổng hai khoản tiền này là 58.816.800 đồng. Còn Bảng tổng hợp số lượng cây ngày 02/11/2011, nội dung ghi về việc vận chuyển từ ngày 28/8/2011 đến ngày 02/11/2011 là 18 lần số lượng 653.520 cây, gồm các xe có BKS 20K-9230; 20L-9593; 20L4243; 20L-3860, những vấn đề nêu trên chưa được Tòa cấp phúc thẩm làm rõ, nhưng đã xác định toàn bộ số tiền 68.335.200đ ông H đã nhận là chi phí vận chuyển là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

[3] Với vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và việc thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ của Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm như đã nêu trên, Hội đồng giám

đốc thẩm xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có căn cứ.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, khoản 2 Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Huỷ toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2016/DS-PT ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân thành tỉnh Thái Nguyên và Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2015/DS-ST ngày 23/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên về vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", giữa nguyên đơn là ông Diệm Quang T với bị đơn là Công ty Cổ phần; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Đức H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP T, tỉnh Thái Nguyên (02 bản kèm h/s);
- Chi cục THADS TP T, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, HCTP-VP, Phòng GĐKT II, HSGĐT.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Anh Dũng